

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Ấp 7, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Phòng số 16 nhà trọ U1, khu phố O, thị xã T1, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Phúc H, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2018, bản tự khai ngày 13/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà T trình bày: Bà T và ông H sống chung với nhau từ năm 2013. Việc sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/7/2014. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau về

các vấn đề trong cuộc sống. Bà T đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Hiện nay, bà T và ông H đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 con chung tên Trần Mạnh K, sinh ngày 24/8/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Phúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt không tham gia làm việc, hoà giải, xét xử mà không có lý do là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Trần Phúc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, hiện bà T và ông H đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông H không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Trần Mạnh K, sinh ngày 24/8/2014. Xét thấy, hiện cháu K dưới 07 tuổi và đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên việc giao cháu K cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ; bà T yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy theo biên bản xác minh ngày 28/6/2018 hiện ông H đang làm công việc là cạo mủ thuê thu nhập bình quân hàng tháng từ 04 – 05 triệu đồng. Vì vậy, ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Mạnh K hàng tháng là 1000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Trần Phúc H về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trần Phúc H.

- Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Mạnh K, sinh ngày 24/8/2014. Buộc ông Trần Phúc H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Mạnh K hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chi trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011978 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Phúc H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuấn

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Vương Thị Vui Nguyễn Thị Thông	Trần Quang Tuấn